

Số: 807/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2023

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 96/TTr-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2023 và văn bản số 6159/BTC-HCSN ngày 15 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023 như sau:

1. Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023:

a) Mức chi phí quản lý bảo hiểm xã hội năm 2023 bằng 1,47% dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm xã hội) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội;

b) Mức chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp năm 2023 bằng 1,47% dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm thất nghiệp) được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

c) Mức chi phí quản lý bảo hiểm y tế năm 2023 bằng 3,38% tiền đóng bảo hiểm y tế, được trích từ quỹ bảo hiểm y tế.

2. Chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2023:

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	TỔNG SỐ THU	514.361.909
1	Thu tiền đóng theo chế độ quy định	465.561.909
	- Thu bảo hiểm xã hội	321.436.669
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp	21.782.590
	- Thu bảo hiểm y tế	122.342.650
2	Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư tài chính	48.800.000
II	TỔNG SỐ CHI	379.676.710
1	Chi chế độ bảo hiểm xã hội từ quỹ bảo hiểm xã hội	231.975.595
2	Chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp	20.363.281
3	Chi chế độ bảo hiểm y tế	114.535.834
4	Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan Bảo hiểm xã hội các cấp, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động.	4.518.812
5	Chi các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, phối hợp thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra.	7.180.693
6	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	502.495
7	Chi thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Bảo hiểm xã hội Việt Nam	600.000

(Dự toán chi tiết giao cho các đơn vị theo phụ lục đính kèm)

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động) chủ động thực hiện rà soát, tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa

thật sự cần thiết trong phạm vi các nội dung chi phí quản lý được giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh dự toán giữa nhiệm vụ chi hoạt động bộ máy và chi thực hiện các nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra được giao năm 2023, giữa các đơn vị, giữa các nhiệm vụ chi trên trong cùng đơn vị và điều chỉnh cơ cấu nhiệm vụ chi từ chi phí quản lý trên cơ sở đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn (nếu cần thiết) sau khi đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua.

4. Việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng.

5. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

6. Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về thông tin và số liệu báo cáo, đề xuất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội:

a) Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện dự toán thu, chi được giao năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bảo đảm việc thực hiện đúng quy định;

b) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục rà soát các hoạt động, dự án công nghệ thông tin và đầu tư xây dựng cơ bản dự kiến thực hiện trong năm 2023 và giai đoạn 2023-2024 bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

a) Tăng cường công tác thu, thực hiện thu đúng, thu đủ tiền đóng vào các quỹ theo chế độ quy định; bảo đảm đủ và kịp thời kinh phí để thanh toán, chi trả chế độ, chính sách cho người thụ hưởng theo quy định;

b) Chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán chi phí quản lý được giao theo nhiệm vụ chi để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2023, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đã ban hành;

c) Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chi đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kinh phí, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ và sử dụng hiệu quả kinh phí được giao; vận hành hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiệu quả, góp phần cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo thuận lợi đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, để hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, bảo đảm sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi chính sách; kịp thời ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

d) Chủ động tham mưu, đề xuất với Chính phủ, các Bộ, ngành về những giải pháp, cơ chế, chính sách để phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,

bảo hiểm y tế và tổ chức triển khai thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

đ) Chịu trách nhiệm thực hiện xây dựng dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm đảm bảo đúng thời gian quy định.

3. Giao Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Khẩn trương ban hành giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, làm cơ sở xây dựng và bố trí dự toán chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp hằng năm;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm dịch vụ việc làm địa phương tổ chức điều hành trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động về ứng dụng công nghệ thông tin về bảo hiểm thất nghiệp.

4. Giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tổ chức thực hiện dự toán theo đúng quy định, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ngành phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tăng cường đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn thực hiện nghiêm việc trích, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đúng thời hạn; đảm bảo tỷ lệ số nợ trên số tiền phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm sau thấp hơn năm trước; kịp thời ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

6. Căn cứ vào dự toán thu, chi và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân triển khai phân bổ, giao dự toán đến từng đơn vị trực thuộc đảm bảo thời gian, thực hiện công khai dự toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với năm tài chính 2023.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Y tế, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái

**CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 6/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	ƯTH năm 2022	Dự toán năm 2023							Năm 2023 so năm 2022	
			Tổng số	BHXH Việt Nam	BHXH Bộ Quốc phòng	BHXH Công an nhân dân	Bộ Lao động - TBXH			Tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
							Bộ Lao động - TBXH	CPQL BHTN	CPQL BH TNLD, BNN		
A	B	0	1 =2+3+4+5	2	3	4	5=6+7	6	7	8=1-0	9= (1-0)/0
I	TỔNG SỐ THU	477.867.218	514.361.909	486.978.757	17.163.259	10.219.893	-	-	-	36.494.691	7,6%
1	Thu tiền đóng theo chế độ	435.168.268	465.561.909	438.178.757	17.163.259	10.219.893	-	-	-	30.393.641	7,0%
a	Thu Bảo hiểm xã hội	306.939.094	321.436.669	299.353.351	13.613.390	8.469.928	-	-	-	14.497.575	4,7%
b	Thu Bảo hiểm y tế	113.802.607	122.342.650	117.152.985	3.447.600	1.742.065	-	-	-	8.540.043	7,5%
c	Thu Bảo hiểm thất nghiệp	14.426.567	21.782.590	21.672.421	102.269	7.900	-	-	-	7.356.023	51,0%
2	Tiền sinh lời hoạt động đầu tư quỹ	42.698.950	48.800.000	48.800.000	-	-	-	-	-	6.101.050	14,3%
II	TỔNG SỐ CHI	361.778.836	379.676.710	373.786.805	3.693.326	1.643.145	553.434	534.941	18.493	17.897.874	4,9%
1	Chi chế độ Bảo hiểm xã hội từ quỹ Bảo hiểm xã hội	222.492.400	231.975.595	229.040.195	1.535.400	1.400.000	-	-	-	9.483.195	4,3%
2	Chi chế độ Bảo hiểm	107.599.428	114.535.834	112.547.134	1.826.700	162.000	-	-	-	6.936.406	6,4%

	y tế										
3	Chi chế độ Bảo hiểm thất nghiệp	19.742.099	20.363.281	20.363.281	-	-	-	-	-	621.182	3,1%
4	Chi phí quản lý	11.944.909	12.802.000	11.836.195	331.226	81.145	553.434	534.941	18.493	857.091	7,2%
4.1	Tổ chức thu, chi, phát triển và quản lý đối tượng	6.573.766	7.180.693	6.697.334	268.963	80.645	133.751	115.891	17.860	606.927	9,2%
4.2	Chi phí quản lý bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLĐ - BNN thuộc ngành lao động	4.370.784	4.518.812	4.212.366	62.263	500	243.683	243.050	633	148.028	3,4%
	Tỷ trọng tính trên tổng số	36,6%	35,3%								
4.3	Chi ứng dụng CNTT, chi đầu tư phát triển	1.000.359	1.102.495	926.495	-	-	176.000	176.000	-	102.136	10,2%
	- Chi ứng dụng CNTT	338.000	502.495	326.495	-	-	176.000	176.000	-	164.495	48,7%
	- Chi đầu tư phát triển	662.359	600.000	600.000	-	-	-	-	-	62.359	-9,4%